

KẾ HOẠCH

Quản lý, khai thác khoáng sản đảm bảo nguồn cung vật liệu xây dựng đối với các công trình, dự án trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kết luận số 310-KL/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Thành uỷ tại phiên họp định kỳ tháng 5/2026; Ủy ban nhân dân thành phố (viết tắt là UBND thành phố) ban hành Kế hoạch quản lý, khai thác khoáng sản bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu đối với các dự án, công trình trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

Chủ động rà soát, đánh giá, dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường (VLXDTT) phục vụ các dự án, công trình trọng điểm, các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố.

Phân bổ hợp lý nguồn cung vật liệu xây dựng (VLXD) từ các mỏ khoáng sản đang hoạt động; bảo đảm cân đối giữa nhu cầu sử dụng và khả năng khai thác, cung ứng của từng khu vực, hạn chế tình trạng thiếu hụt, khan hiếm hoặc tăng giá bất hợp lý.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển và sử dụng vật liệu xây dựng; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan và phát triển bền vững.

Làm cơ sở đề các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp khai thác khoáng sản xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, điều tiết nguồn cung, đáp ứng kịp thời nhu cầu vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn thành phố.

Góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các công trình trọng điểm; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên và ổn định thị trường VLXD.

II. YÊU CẦU

Việc xác định nhu cầu VLXD phải bảo đảm khách quan, khoa học, phù hợp với tình hình thực tế triển khai các dự án, công trình và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng giai đoạn.

Việc phân bổ nguồn cung từ các mỏ phải bảo đảm công khai, minh bạch, hợp lý theo năng lực khai thác được cấp phép, trữ lượng còn lại, khoảng cách vận chuyển, khả năng cung ứng thực tế và yêu cầu bảo vệ môi trường.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, địa phương, chủ đầu tư các dự án và các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trong công tác dự báo nhu cầu, điều phối nguồn cung và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Ưu tiên bảo đảm nguồn VLXD cho các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, dự án trọng điểm của thành phố, các công trình phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và các công trình phục vụ an sinh xã hội.

Thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình cung - cầu VLXD; kịp thời triển khai các giải pháp điều tiết, bổ sung nguồn cung, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm bảo đảm ổn định thị trường và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về khoáng sản, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI ĐÁ LÀM VLXD TT

1. Hiện trạng

Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 18 mỏ đang còn hiệu lực (trong đó có 15 mỏ đã hoạt động, 01 mỏ chưa hoạt động, 02 mỏ đang tạm dừng hoạt động) chủ yếu tập trung tại phường Kim Long và phường Hương Trà; xã Lộc An; xã Chân Mây - Lăng Cô; xã Khe Tre; xã A Lưới 3 với tổng diện tích cấp phép của 18 mỏ là hơn 107 ha, trữ lượng phê duyệt hơn 35 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương hơn 51 triệu m³ (thể nguyên khai), công suất khai thác khoảng 1,75 triệu m³/năm (thể tự nhiên), tương đương hơn 2,5 triệu m³ (thể nguyên khai).

03 mỏ đã nâng công suất theo Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP với tổng trữ lượng được nâng công suất thêm là 360.000 m³ (thể tự nhiên), tương đương 531.000 m³ (thể nguyên khai), đã bổ sung thêm nguồn VLXD cho các dự án trọng điểm.

Các mỏ đất làm VLST đang và sẽ cấp phép khai thác khoáng sản đá làm VLXD TT đi kèm tại trên địa bàn với tổng trữ lượng cấp phép hơn 28,6 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương hơn 42,4 triệu m³ (thể nguyên khai).

Các mỏ đang hoạt động và các mỏ dự kiến cấp phép trong thời gian tới có khả năng cung cấp đá làm VLXD TT là hơn 49,2 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương với 72,67 triệu m³ (thể nguyên khai).

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

2. Mở rộng các mỏ đá đang còn hiệu lực

Triển khai thăm dò mở rộng 18 mỏ đá làm VLXD TT đang còn hoạt động khai thác theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 4 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15; Điều 35 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, đáp ứng các điều kiện

sau: Khu vực khoáng sản liền kề với khu vực được cấp giấy phép khai thác khoáng sản có diện tích không vượt quá 50% diện tích khu vực đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản; khu vực liền kề với khu vực đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản được mở rộng theo hướng đồi một mái; không có khả năng hình thành dự án khai thác khoáng sản mới do không có điều kiện kết nối giao thông, bố trí công trình phụ trợ, sử dụng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực và không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật. Tổng diện tích dự kiến mở rộng khoảng 61,17 ha, tổng trữ lượng dự kiến 21,55 triệu m³.

3. Đánh giá nhu cầu và nguồn cung đá làm VLXD

Nhu cầu nguồn đá làm VLXD cho các dự án vốn ngân sách:

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Đá xây dựng các loại (m ³)	2.320.587	998.697	2.517.313

Nhu cầu nguồn đá làm vật liệu xây dựng cho các dự án sử dụng vốn trong và ngoài ngân sách trong năm 2026 và giai đoạn 2027-2030

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028-2030
Đá xây dựng các loại (m ³)	3.932.000	3.368.000	12.873.000

Đối chiếu nhu cầu và nguồn cung VLXD cho tất cả các Dự án trên địa bàn năm 2026, giai đoạn 2027 - 2030 như sau:

Loại VLXD/Năm	Đá làm VLXD (m ³)			Ghi chú
	Cung	Cầu	Thừa/Thiếu	
Năm 2026	2.431.000	3.932.000	-1.501.000	Công suất khai thác tối đa tại các mỏ đang hoạt động
Giai đoạn 2027-2030	72.670.000	16.241.000	+ 56.429.000	Trữ lượng tối đa các mỏ đang hoạt động, các mỏ chưa hoạt động và dự kiến cấp phép trong thời gian

4. Giải pháp tổ chức thực hiện

Để chủ động đảm bảo được nguồn cung giai đoạn 2027 - 2030 và trong giai đoạn tới (với khả năng cung cấp đá làm VLXD là hơn 49,2 triệu m³ (thể tự nhiên) tương đương với 72,67 triệu m³ (thể nguyên khai), cần triển khai các nhiệm vụ cụ thể:

(1) Tổ chức ký kết cung cấp vật liệu xây dựng tại các mỏ đá cho các dự án, công trình đang thực hiện trên địa bàn thành phố; căn cứ nhu cầu đá làm VLXDTT tại các khu vực, phân bổ các mỏ đá phù hợp (trữ lượng, công suất khai thác, quãng đường vận chuyển,...)

+ Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường có mỏ khoáng sản đang hoạt động; Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn.

+ Thời gian thực hiện: Quý III, Quý IV/2026.

(2) Tổ chức đấu giá theo Kế hoạch đã được phê duyệt đối với 03 mỏ đá, cụ thể:

- Mỏ đá làm VLXDTT tại khu vực xã Lộc An (diện tích 20,0 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 8.006.276 m³ đá; 1.940.000 m³ đất).

- Mỏ đá làm VLXDTT tại khu vực Thác Trượt, xã Khe Tre (diện tích 3,0 ha, trữ lượng dự báo 550.051 m³).

- Mỏ đá làm VLXDTT tại khu vực Bắc Khe Ly, phường Kim Long (diện tích 10,7 ha, trữ lượng dự báo 4.000.000 m³).

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND xã Lộc An, UBND xã Khe Tre, UBND phường Kim Long.

+ Thời gian thực hiện: Quý IV/2026 và năm 2027.

(3) Chủ động rà soát, đánh giá nhu cầu vật liệu phục vụ các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các công trình, dự án trọng điểm, kịp thời đề xuất, hướng dẫn doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn nâng công suất để cung cấp VLXD cho các dự án đầu tư công.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành liên quan, các Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên

(4) Chủ động nghiên cứu, hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đá làm VLXD trên địa bàn mở rộng mỏ theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 4 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành liên quan, các Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

II. ĐỐI VỚI ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (VLSL)

1. Hiện trạng: 18 mỏ đất (13 mỏ đang hoạt động; 05 mỏ chưa hoạt động) với tổng diện tích 18 mỏ đã phê duyệt hơn 248,97 ha, với trữ lượng được phê duyệt hơn 29 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương hơn 37 triệu m³ (thể nguyên khai). Tổng công suất hơn 6 triệu m³/năm (thể tự nhiên), tương đương hơn 6,8 triệu m³ (thể nguyên khai); trong đó:

+ Trữ lượng khoáng sản đã khai thác đến hết năm 2025 (theo báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản của các Doanh nghiệp): 4.778.363m³.

+ Trữ lượng còn lại: 26,3 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương 33,9 triệu m³ (thể nguyên khai).

2. Đất tầng phủ (khoáng sản đi kèm) tại các mỏ đá làm VLXDTT

Trên địa bàn thành phố có 11 mỏ với tổng trữ lượng khai thác: 5,8 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương 7,4 triệu m³ (thể nguyên khai), trữ lượng còn lại hơn 3,5m³ (thể tự nhiên), tương đương hơn 4,5 triệu m³ (thể nguyên khai).

3. Các mỏ đất làm VLSL đã trúng đấu giá đang thực hiện thủ tục cấp phép khai thác

- Các mỏ đang lập thủ tục cấp phép: 03 mỏ.

- Các mỏ đã cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng: 02 mỏ.

Tổng trữ lượng còn lại của các mỏ đang hoạt động: 19,4 triệu m³(thể tự nhiên) tương đương 25 triệu m³ (thể nguyên khai).

Trữ lượng các mỏ chưa hoạt động và dự kiến cấp phép trong thời gian tới: 34,6 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương 44,6 triệu m³ (thể nguyên khai).

Tổng các mỏ đang hoạt động và các mỏ dự kiến cấp phép trong thời gian tới sẽ khả năng cung cấp đất làm VLSL là hơn 53 triệu m³ (thể tự nhiên), tương đương 68 triệu m³ (thể nguyên khai).

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

4. Nguồn đất làm VLSL cung cấp cho các dự án trọng điểm theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP của Chính phủ đã được luật hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15)

a) Dự án mở rộng đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn: Chủ tịch UBND thành phố đã khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cấp phép 02 mỏ đất làm VLSL tại phường Kim Trà và phường Phong Thái cho các đơn vị thi công trực tiếp tại Dự án mở rộng đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn giai đoạn 2 với tổng trữ lượng 865.262 m³ (thể tự nhiên) tương đương 1.116.187 m³ (thể nguyên khai), đảm bảo nguồn vật liệu cho dự án. Hiện nay đã cấp phép 01 mỏ đất làm vật liệu đắp nền công trình tại phường Kim Trà.

b) Dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại xã A Lưới 4: Chủ tịch UBND thành phố đã cấp phép 01 mỏ đất làm VLSL tại xã A Lưới 4 với trữ lượng 103.200 m³ (thể nguyên khai) cho đơn vị thi công

trực tiếp phục vụ dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại xã A Lưới 4 và đã đảm bảo nguồn VLXL cho dự án.

5. Khảo sát các khu vực nằm ngoài quy hoạch đề cấp phép theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP của Chính phủ đã được luật hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15) theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 271/BNMT-ĐCKS ngày 10/01/2026 với cơ chế “7 không”:

- Địa bàn phường Phong Điền: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn phường Phong Thái: diện tích khoảng 30 ha;
- Địa bàn phường Hương Trà: diện tích khoảng 40 ha;
- Địa bàn phường Kim Trà: diện tích khoảng 40 ha;
- Địa bàn xã Bình Điền: diện tích khoảng 40 ha;
- Địa bàn phường Kim Long: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn phường Thủy Xuân: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn phường Thanh Thủy: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn phường Hương Thủy: diện tích khoảng 30 ha;
- Địa bàn phường Phú Bài: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn xã Hưng Lộc: diện tích khoảng 60 ha;
- Địa bàn xã Lộc An: diện tích khoảng 40 ha;
- Địa bàn xã Phú Lộc: diện tích khoảng 50 ha;
- Địa bàn xã Chân Mây - Lăng Cô: diện tích khoảng 350 ha;
- Địa bàn các xã: A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5: diện tích khoảng 100 ha;
- Địa bàn các xã Nam Đông, Khe Tre, Long Quảng: diện tích khoảng 60 ha.

6. Đánh giá nhu cầu và nguồn cung đất làm VLXL

- Nhu cầu đất làm VLXL cho các dự án xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước trong năm 2026, 2027 và giai đoạn 2028-2030

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Đất làm VLXL (m ³)	4.067.899	2.143.212	6.274.686

- Về nhu cầu VLXD trên địa bàn thành phố trong năm 2026 và giai đoạn 2027 - 2030 (các dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách, đầu tư trong nhân dân...):

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Đất làm VLXL (m ³)	15.164.000	27.202.000	81.373.000

Đối chiếu nhu cầu và nguồn cung VLXD cho tất cả các Dự án trên địa bàn năm 2026, giai đoạn 2027 - 2030 như sau:

Loại VLXD/Năm	Đất làm VLXL (m ³)			Ghi chú
	Cung	Cầu	Thừa/Thiếu	
Năm 2026	5.918.508	15.164.000	-9.245.492	Công suất khai thác tối đa tại các mỏ đang hoạt động
Giai đoạn 2027-2030	68.000.000	108.575.000	-40.575.000	Trữ lượng tối đa các mỏ đang hoạt động, các mỏ chưa hoạt động và dự kiến cấp phép trong thời gian

7. Giải pháp tổ chức thực hiện

Để đảm bảo được nguồn cung giai đoạn 2027 – 2030 và trong thời gian tới cho các dự án trên địa bàn, cần triển khai các nhiệm vụ cụ thể:

(1) Cấp phép theo Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP đã được luật hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15) đối với các khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá để phục vụ các dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15), cụ thể:

- Khu vực tại xã Phú Lộc (Diện tích 4,15 ha), tại Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

- Khu vực tại Phường Thanh Thủy (diện tích 6,47 ha) tại Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

- Khu vực tại phường Phong Thái (diện tích 4,18 ha) tại Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND xã Phú Lộc, UBND phường Phong Thái, UBND phường Thanh Thủy, các BQL dự án đầu tư xây dựng.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 và năm 2027.

(2) Khảo sát, nghiên cứu vị trí phù hợp, thuận lợi, không ảnh hưởng đến an ninh - quốc phòng, có khả năng cung cấp đủ nhu cầu VLXD cho dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15), tham mưu khoanh định vào danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và lập thủ tục đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các BQL dự án đầu tư xây dựng.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(3) Tổ chức đấu giá theo Kế hoạch đã được phê duyệt đối với 04 mỏ đất, cụ thể:

- Mỏ đất làm VLSDL tại phường Phú Bài (khu vực 1) (diện tích 17,03 ha, trữ lượng dự kiến 2.400.000 m³);
- Mỏ đất làm VLSDL tại phường Phú Bài (khu vực 2) (diện tích 22,55 ha, trữ lượng dự kiến 2.350.000m³);
- Mỏ đất làm VLSDL tại phường Phú Bài (khu vực 3) (diện tích 19,82 ha, trữ lượng dự kiến 4.300.000 m³);
- Mỏ đất làm VLSDL tại vị trí 1 khu vực phường Phú Bài, thành phố Huế (diện tích 36 ha, trữ lượng dự kiến 3.300.000 m³);

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND phường Phú Bài.

+ Thời gian thực hiện: Quý IV/2026 và năm 2027.

(4) Rà soát các khu vực có khả năng cấp phép đất làm VLSDL (08 khu vực) trong Quy hoạch thành phố để đưa vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2030.

(5) Khảo sát các khu vực có khả năng cấp phép nằm ngoài Quy hoạch thành phố để cấp phép theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP của Chính phủ đã được luật hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15).

+ Cơ quan chủ trì: UBND cấp xã.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 đến năm 2030.

III. ĐỐI VỚI CÁT LÀM VLXDTT

1. Hiện trạng

Có 01 mỏ đã được cấp phép hoạt động thông qua đấu giá với trữ lượng cát, sỏi huy động vào thiết kế khai thác, trữ lượng được khai thác cấp 122 là 52.595m³ (thể tự nhiên); trong đó: trữ lượng sỏi là 34.812m³, trữ lượng cát là 17.783m³; trong đó:

- Trữ lượng khoáng sản đã khai thác đến hết năm 2025: Khoáng sản chính (cát): 3.896,57m³, khoáng sản đi kèm (sỏi): 10.441,78m³.

- Trữ lượng được phép khai thác còn lại: Khoáng sản chính (cát): 13.145,59 m³, khoáng sản đi kèm (sỏi): 23.925,11m³.

2. Nguồn cát làm VLXD cung cấp cho các dự án trọng điểm theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP của Chính phủ đã được luật

hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15)

Chủ tịch UBND thành phố đã khoanh định 05 khu vực tọa lạc tại các xã A Lưới 1, A Lưới 3 và A Lưới 4 vào danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cung cấp khoáng sản làm VLXDTT, VLSL cho các dự án trường nội trú liên cấp tại các xã A Lưới và các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 (tại Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/6/2026).

3. Nguồn cát, sỏi làm VLXDTT tại các lòng hồ thủy điện, thủy lợi và các sông suối trên địa bàn thành phố

Trên địa bàn thành phố Huế hiện có khoảng 13 nhà máy thủy điện đang vận hành, gồm các nhà máy như: A Lưới, Bình Điền, Hương Điền, Tả Trạch, A Roàng, Thượng Lộ, A Lin Thượng, A Lin B1, A Lin B2, Sông Bồ, Thượng Nhật, Rào Trăng 3, Rào Trăng 4 với tổng công suất khoảng 459 MW. Qua đánh giá sơ bộ có 02 hồ thủy điện Hương Điền và Bình Điền với nguồn vật liệu cát, sỏi với trữ lượng khoảng hơn 2 triệu m³.

Ngoài ra, nhiều hồ chứa và công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, cấp nước sinh hoạt, phòng chống lũ và điều tiết nguồn nước, trong đó có hồ Tả Trạch có dung tích 646 triệu m³ nước. Qua đánh giá sơ bộ với nguồn cát, sỏi làm VLXDTT có trữ lượng hơn 4 triệu m³.

3. Đánh giá nhu cầu và nguồn cung cát làm VLXDTT

Nhu cầu VLXD cho các dự án xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước trong năm 2026, 2027 và giai đoạn 2028-2030:

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Cát làm VLXD (m ³)	633.768	448.989	497.818

Nhu cầu VLXD cho các dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách, đầu tư trong nhân dân...):

Loại VLXD	Năm 2026	Năm 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Cát làm VLXD (m ³)	1.816.000	1.679.000	7.031.000

Đối chiếu nhu cầu và nguồn cung VLXD cho tất cả các Dự án trên địa bàn năm 2026, giai đoạn 2027 - 2030 như sau:

Loại	Cát làm VLXD (m ³)	Ghi chú
------	--------------------------------	---------

VLXD/Năm	Cung	Cầu	Thừa/Thiếu	
Năm 2026	10.519	1.816.000	-1.805.481	Công suất khai thác tối đa tại các mỏ đang hoạt động
Giai đoạn 2027-2030	13.145,59	8.710.000	-8.696.854	Trữ lượng còn lại tại mỏ

3. Giải pháp tổ chức thực hiện

(1) Tham mưu cấp giấy phép khai thác cát làm VLXD tại các xã A Lưới để cung cấp cho các dự án trường nội trú liên cấp tại các xã A Lưới và các dự án quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15 (theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố về phê duyệt khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND thành phố).

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các BQL dự án đầu tư xây dựng.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 đến năm 2030.

(2) Lập dự án nạo vét, khơi thông dòng chảy kết hợp thu hồi khoáng sản cát làm VLXDĐT tại các lòng sông, suối trên địa bàn quản lý.

+ Cơ quan chủ trì: UBND xã, phường.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 đến năm 2030.

(3) Nạo vét lòng hồ thủy lợi để khai thác khoáng sản, vật liệu phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

+ Cơ quan chủ trì: Các chủ quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 đến năm 2030.

(4) Nạo vét kết hợp thu hồi khoáng sản cát tại các lòng hồ thủy điện nhằm tổ chức khai thác hiệu quả, tránh lãng phí nguồn khoáng sản trong lòng hồ, đồng thời, bảo đảm an toàn hồ đập, không ảnh hưởng đến hoạt động vận hành của các nhà máy thủy điện. Sản phẩm thu hồi (cát, sỏi làm VLXDĐT...) để cung cấp cho các dự án, công trình quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15.

+ Cơ quan chủ trì: Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của thành phố.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 đến năm 2030

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC NHẪM ĐẢM BẢO NGUỒN CUNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

(1) Tổ chức công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật; khảo sát, thu thập, tổng hợp thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường để kịp thời cập nhật, công bố giá bảo đảm phản ánh sát mặt bằng giá tại địa phương, phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các xã, phường.

+ Thời gian thực hiện: Hàng tháng.

(2) Tổ chức kiểm tra việc kê khai, niêm yết giá, các yếu tố hình thành giá, việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh VLXD; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(3) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(4) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh VLXD; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi đầu cơ, găm hàng, lợi dụng biến động thị trường để tăng giá bán bất hợp lý, gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư xây dựng và quyền lợi của người tiêu dùng.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(5) Tăng cường công tác quản lý địa bàn, thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD và hoạt động kinh doanh VLXD trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp khai thác trái phép, vận chuyển, kinh doanh VLXD không đúng quy định hoặc có dấu hiệu đầu cơ, găm hàng gây biến động giá trên thị trường.

+ Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

+ Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(6) Chủ động nguồn cung vật liệu cho các công trình, dự án theo tiến độ của các công trình, dự án trọng điểm được giao; chủ động khảo sát, xác định các vị trí mỏ vật liệu phù hợp để đưa vào hồ sơ thiết kế thuộc chủ trương đầu tư, làm

cơ sở cấp phép theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết 66.4/2026/NQ-CP đã được luật hóa tại Luật Địa chất và Khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15), bảo đảm đáp ứng tiên độ và yêu cầu về thời gian thực hiện công trình.

Cơ quan chủ trì: Các BQL dự án đầu tư xây dựng và các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố, các chủ quản lý công trình thủy điện, thủy lợi trên địa bàn chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung VLXD trong giai đoạn tới, định kỳ báo cáo về UBND thành phố qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ báo cáo UBND thành phố theo quy định.

Quá trình thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQ thành phố;
- Thường trực Đảng ủy UBND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Ban Nội chính Thành ủy, UBKT Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Các đơn vị SNCL và DNNN thuộc UBND thành phố;
- Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản; Chủ quản lý các công trình thủy điện, thủy lợi trên địa bàn;
- Cổng Thông tin Điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Mạnh